

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn
giữa anh T với chị T2”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-VL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tường Bích.

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đặng Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-VL.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-VL tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Hội Txét xử của Tòa án nhân dân khu vực 8-VL xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Phan Nhật T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 1, xã TT, tỉnh VL.

Anh Phan Nhật T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/5/2025.

* **Bị đơn:** **Trần Thị T2**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 1, xã TT, tỉnh VL.

Chị Trần Thị T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 05/8/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/02/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Nhật T trình bày như sau:

Anh Phan Nhật T và chị Trần Thị T2 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là xã TT, tỉnh VL). Thời

gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong gia đình nên vợ, chồng không hạnh phúc. Anh Tcố gắng hàn gắn thuyết phục chị T2 xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh Tvà chị T2 đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay.

Hiện tại, anh Tkhông còn tình cảm vợ, chồng với chị T2 nữa nên yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T2.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Phan Huy T3, sinh ngày 14/02/2016 và Phan Q T3, sinh ngày 27/11/2021. Hiện tại, 02 con chung đang sống chung với chị Trần Thị T2, anh Tđồng ý cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Huy T3 và cháu Phan Q T3. Anh Tđồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị T2 mỗi tháng 2000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi đứa con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/8/2025, bị đơn chị Trần Thị T2 trình bày như sau:

Chị T2 thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của anh Phan Nhật Tvề quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân do vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện tại, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau, do đó anh Phan Nhật Tyêu cầu ly hôn, chị T2 đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Phan Huy T3, sinh ngày 14/02/2016 và Phan Q T3, sinh ngày 27/11/2021. Hai con chung đang sống chung với chị T2. Sau khi ly hôn, chị T2 yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng cháu Phan Huy T3, Phan Q T3., đồng thời yêu cầu anh Phan Nhật Tcấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị T2 mỗi tháng 2000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi đứa con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72, Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Nhật T đối với chị Trần Thị T2.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T2 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Huy T3, sinh ngày 14/02/2016; Phan Q T3, sinh ngày 27/11/2021 để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung (Phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình) . Anh Phan Nhật T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi đứa con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự Phan Thật T, Trần Thị T2 có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án: Anh T với chị Trần Thị T2 sống chung với nhau từ năm 2015, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là xã TT, tỉnh VL) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 02/2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến hòa giải, tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng hai bên đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phan Nhật T với chị Trần Thị T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Huy T3, sinh ngày 14/02/2016 và Phan Q T3, sinh ngày 27/11/2021. Hiện tại, 02 con đang sống với chị Trần Thị T2, anh T đồng ý cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, do đó cần giao cháu Phan Huy T3, Phan Q T3 cho chị Trần Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung (Phù hợp với nguyện vọng con chung tên 07 tuổi; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình).

Anh Phan Nhật Tphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai thông nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phan Nhật Tphải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Phan Nhật Tđối với chị Trần Thị T2.

Cho ly hôn giữa anh Phan Nhật Tđối với chị Trần Thị T2.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T2 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Phan Huy T3, sinh ngày 14/02/2016; Phan Q T3, sinh ngày 27/11/2021 (Phù hợp với nguyện vọng của con chung tên 07 tuổi).

Anh Phan Nhật Tphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Anh Phan Nhật Tkhông trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị T2 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phan Nhật Ttrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên khai thông nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Phan Nhật Tphải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008266 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-VL).

Vậy, anh Phan Nhật Tđã nộp xong án phí.

Các đương sự Phan Thật T, Trần Thị T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL(Phòng GDKT,TT&THA);
- VKSND khu vực 8-VL;
- Phòng THADS khu vực 8-VL;
- UBND xã TT, tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi

